

高雄市政府社會局未設籍新住民扶助措施

Phương thức trợ cấp cho **Cư dân mới** chưa nhập tịch của cục Xã hội thành phố Cao Hùng.

項 目 H A N G M U C	申 請 資 格 Đối tượng được xin	福 利 內 容 NỘI DUNG PHÚC LỢI	應 備 文 件 Giấy tờ cần thiết	備 註 GHI CHÚ
<p>緊急生活扶助 Trợ cấp phí sinh hoạt khẩn cấp</p>	<p>本扶助所稱特殊境遇配偶係指未設籍之新住民配偶，具有下列情形之一者： Đối tượng được hưởng trợ cấp trong mục hoàn cảnh đặc biệt này là chỉ người hôn phối nước ngoài chưa nhập tịch, và phải phù hợp 1 trong các mục dưới đây：</p> <p>1.配偶死亡。 Vợ (chồng) đã qua đời.</p> <p>2.配偶失蹤，經向警察機關報案滿六個月者。</p>	<p>符合申請資格者，於事實發生 6 個月內，向本局提出申請，核定後辦理撥款。按當年度低收入戶每人每月最低生活費用標準一倍核發，每人每次最高以補助 3 個月為原則。 Nếu phù hợp với quy định, trong vòng 6 tháng khi xảy ra sự việc, đến Cục xã hội để xin trợ cấp, xét duyệt xong sẽ phát tiền trợ cấp. Mức trợ cấp gấp đôi so với mức chi phí sinh hoạt thấp nhất của một người / tháng theo quy định cho hộ gia đình có thu nhập thấp trong năm. Mỗi người được trợ cấp tối đa là 3 tháng.</p>	<p>1. 申請人居留證件影本。 Bản photo thẻ cư trú</p> <p>2.三個月內全戶戶籍資料。 Bản hộ khẩu trích lục toàn hộ trong thời gian 3 tháng gần nhất</p> <p>3.全戶所得及不動產資料。 *全家存款(含投資及股票)未超過 120 萬元+(全家人口-1)×18 萬。 *不動產不超過 650 萬元。</p>	<p>一次性補助。 Chỉ trợ cấp một lần</p>
<p>子女生活津貼 Trợ cấp thêm phí sinh hoạt cho con cái</p>	<p>vợ (chồng) không rõ tung tích, và đã báo với cơ quan cảnh sát đủ 6 tháng</p> <p>3.因配偶惡意遺棄經判決離婚確定者。 Thông qua tòa án phán quyết xác nhận ly hôn vì nguyên nhân vợ (chồng) cố tình bỏ rơi</p> <p>4.受配偶不堪同居之虐待經判決離婚確定者。 Thông qua tòa án phán quyết xác nhận ly hôn vì bị vợ (chồng) ngược đãi, hành hạ không thể sống chung với nhau.</p>	<p>育有 15 歲以下子女者，得申請子女生活津貼。每名子女每月補助當年度最低工資十分之一。 Người đang nuôi dưỡng con cái dưới 15 tuổi, được xin trợ cấp phí sinh hoạt cho con. Mỗi tháng mỗi một người con được trợ cấp là 1/10 so với mức lương thấp nhất quy định trong năm.</p>	<p>Giấy chứng nhận thu nhập của toàn hộ gia đình và chứng nhận bất động sản： * Tài sản của gia đình (bao gồm đầu tư và cổ phiếu) không được vượt quá 120 vạn Đài tệ cộng với số tiền (số nhân khẩu toàn hộ - 1) × 18 vạn。 * Giá trị bất động sản không vượt quá 650 vạn Đài tệ。</p>	<p>1.本補助不得與其他生活津貼重複申領。 Người xin khoản trợ cấp này, sẽ không được cùng một lúc xin khoản trợ cấp khác.</p> <p>2.每年需重新申請 Mỗi năm phải làm lại thủ tục xin một lần.</p>
<p>兒童托育津貼 Trợ cấp phí gửi trẻ</p>	<p>5.因家庭暴力、性侵害或其他犯罪受害，而無力負擔醫療費用或訴訟費用者。 Vì nguyên nhân bạo lực gia đình, bạo lực tình dục hoặc là người bị hại trong những vụ án khác, nên không đủ khả năng đóng phí trị liệu y tế hoặc phí tố tụng</p> <p>6.單親無工作能力或雖有工作能力，因遭遇重大傷病或為照顧 6 歲以下子女未能就業。 Gia đình đơn thân không có khả năng làm việc hoặc có khả năng</p>	<p>育有未滿 6 歲子女就托本市私立托兒所或幼稚園者，每月補助 1,500 元。 Người đang nuôi dưỡng con cái dưới 6 tuổi, hiện đang học tại các nhà trẻ hoặc trường mẫu giáo tư, sẽ được trợ cấp 1500 tệ mỗi tháng.</p>	<p>4.其他證明文件：入獄刑罰證明、向警察機關報案失蹤證明等。 Giấy chứng nhận khác: chứng nhận đang bị giam giữ thi hành án, giấy báo mất tích do cảnh sát cấp.</p>	<p>1.本補助不得與其他生活津貼重複申領。 Người xin khoản trợ cấp này, sẽ không được cùng một lúc xin khoản trợ cấp khác.</p> <p>2.每年需重新申請 Mỗi năm phải làm lại thủ tục xin một lần.</p>

<p>傷病醫療補助 Trợ cấp phí khám chữa bệnh</p>	<p>làm việc nhưng vì mắc phải bệnh tật nặng hoặc phải chăm sóc con cái dưới 6 tuổi nên không đi làm được.</p> <p>7.配偶處一年以上之徒刑且在執行中者。 Vợ (chồng) bị xử phạt tù từ một năm trở lên và hiện đang bị chấp hành án tù .</p> <p>8.三個月內生活發生重大變故導致生活、經濟困難者，且其重大變故非因個人責任、債務、非自願性失業等事由者。 Trong vòng 3 tháng gần nhất cuộc sống gặp phải sự cố lớn dẫn đến kinh tế khó khăn , và nguyên nhân của sự cố đó không phải do trách nhiệm tại mình, nợ nần, thất nghiệp không phải do mình tự nguyện .</p> <p>說明：本項特殊境遇配偶之身分，應每年申請認定之 Nói rõ : Đối tượng được trợ cấp trong mục này, mỗi năm phải xin xét duyệt lại một lần.</p>	<p>特殊境遇配偶參加全民健保，最近 3 個月內自行負擔醫療費用超過 3 萬元之部分，最高補助 70%，每人每年最高補助 12 萬元。 Phối ngẫu gia cảnh đặc biệt và có tham gia bảo hiểm y tế toàn dân . Trong 3 tháng trở lại đây , nêu mức chi phí tự trả vượt quá 3 vạn Đài tệ . , thì sẽ được trợ cấp chi phí với mức cao nhất là 70%. Mỗi người mỗi năm được trợ cấp tối đa là 12 vạn Đài tệ .</p>	<p>5.郵政儲金簿封面影本。 Bản photo mặt chính sổ tài khoản bưu điện.</p>	<p>如有需求，請提出申請。 Nếu có nhu cầu , hãy nộp đơn xin.</p>
<p>返鄉往返機票費 Chi phí vé máy bay hồi hương</p>		<p>經本府社工員評估確有需要而無力負擔費用之個案，得視需要專案簽准後予以補助往返機票費用，亞洲地區每人最高補助新臺幣二萬元，非亞洲地區每人最高補助新臺幣三萬元，每人每年最高以補助一次為限，並應依規定檢附票根或購票證明辦理核銷。 Được nhân viên Ban Xã hội của Chính quyền Thành phố đánh giá và xác nhận là trường hợp cần giúp đỡ vì không có khả năng chi trả chi phí. Sau khi được thông qua xét duyệt sẽ được trợ cấp chi phí vé máy bay hồi hương. Khu vực châu Á, mỗi người được trợ cấp cao nhất là 20 ngàn Đài tệ. Không phải khu vực châu Á, mỗi người được trợ cấp cao nhất là 30 ngàn Đài tệ. Mỗi người mỗi năm cao nhất chỉ được trợ cấp giới hạn 1 lần và đồng thời dựa theo quy định gửi kèm cuốn vé hoặc chứng minh có</p>		

		mua vé để làm thủ tục thanh toán.		
--	--	-----------------------------------	--	--

服務單位、洽詢電話

Đơn vị phục vụ, điện thoại liên lạc:

戶籍地區公所社會(經)課、里辦公處

Ban Xã hội (kinh tế), Phòng hộ tịch, Văn phòng hành chính tại địa phương

社會局婦女及保護服務科:3368333 轉 3862~3867、3303353

Ban Hỗ trợ và Bảo vệ Phụ nữ, Cục xã hội: 3368333 chuyển 3862~3867、3303353